

### Phẩm 3: TẬP NHẤT THIẾT PHÁP

#### 1. Giải thích về phẩm này:

Giải thích phẩm này có bốn môn: 1. Nguyên nhân có phẩm này. 2. Giải thích chương nạn. 3. Giải thích tên gọi. 4. Giải thích văn.

1. *Nguyên nhân có phẩm này*: phẩm trên nói chung về hỏi đáp đã xong. Dưới đây các phẩm đều hỏi đáp riêng cho nên đặt ở kế sau.

2. *Giải chương nạn rằng*: Trăm lẻ tám câu đã nói chung, vì sao các phẩm dưới mỗi thứ đều hỏi riêng, ý lời nói đều không ra ngoài phần chung, đâu thể chẳng rườm rà! Đáp: Chung riêng gồm nhiếp, chấp đoạn thường mới tiêu, chân tục viên dung, bỏ chấp tình mới bật dứt.

3. *Giải thích tên gọi*: Luận rằng nương nhất tâm mà mở ra hai môn. Phẩm trên đã nói về tâm chân như môn, gồm nhiếp tất cả pháp. Phẩm này nói về tâm sinh diệt môn, gồm nhiếp tất cả pháp sinh tất cả pháp, do đó hai môn không lìa nhau. Luận rằng tâm sinh diệt, nương vào Như lai Tạng cho nên có tâm sinh diệt. Cái gọi là bất sinh bất diệt hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một, chẳng phải khác, gọi là thức A-lại-da. Thức này có hai nghĩa; năng gồm thu tất cả pháp sinh tất cả pháp. Hai nghĩa: a) Nghĩa giác; b) Nghĩa bất giác. Nghĩa giác tức là tâm thể lìa niệm, tướng lìa niệm là bình đẳng với hư không giới, không chỗ nào là không trùm khắp. Pháp giới một tướng tức là pháp thân bình đẳng của Như lai, nói theo pháp thân này thì gọi là bản giác, nương vào bản giác mà có bất giác, cho đến ba tế sáu thô lên xuống trong biển khổ. Nương vào bất giác cho nên nói có Thỉ giác. Lại do nguồn tâm giác nên gọi rốt ráo giác, nguồn tâm bất giác gọi là chẳng phải rốt ráo giác. Vì vậy, cho nên trong mười pháp giới hoặc Thánh hoặc phàm, hoặc nhân hoặc quả, y báo chánh báo nhiễm tịnh đều nêu lên trong đó. Cho nên gọi là phẩm “Tập nhất thiết pháp”.

4. *Kế văn kinh dưới là giải thích văn*.

#### 2. Nói riêng về hỏi đáp:

“Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến các thức có mấy thứ sinh, trụ, diệt?” Từ phẩm này đến phẩm cấm ăn thịt gồm mười bốn phẩm nói rõ riêng về hỏi đáp, cho nên mỗi phẩm thường nhắc lại. Bạch Đức Thế Tôn! Đây là chương đầu, tức hỏi đáp riêng về tâm ý thức. Nghĩa là thức sát-na ban đầu khác với gỗ đá, sinh được nhiễm tịnh, đều tự có thể làm vô lượng vô số thức gốc nhiễm tịnh. Từ sát-na đầu không thể nói là kiếp, cho đến Kim cương dụ định, trải qua một sát-na có không thể nói không thể nói thức. Sinh các hữu tình, hai pháp

sắc tâm thì có tịnh có nhiễm, có sinh có diệt. Thức này y theo sinh diệt môn. Có mấy thứ sinh, trụ, diệt (nhưng từ vô thủy kiếp lâu xa, làm sao gọi là sơ? Nghĩa là lúc này bỗng nhiên khởi lên một niệm. Vọng niệm trái với chân, gọi là thức ban đầu. Chẳng phải quá khứ có thức mới sinh khởi gọi là thức ban đầu).

### **3. Chân như diệu tánh chỉ có Phật mới biết:**

“Đức Phật bảo ngài Đại Tuệ, thức có hai thứ sinh, trụ, diệt, suy nghĩ chẳng thể biết được”. Chân như diệu tánh vốn tự vô sinh, một niệm theo duyên sự phần đều khởi, tức là chân tâm không giữ gìn tự tánh, theo vô minh duyên thành các thức sinh, trụ, dị, diệt. Trí tuệ của phàm phu, Tiểu thừa chẳng thể biết được, cho đến Bồ-tát ở giai vị rốt ráo cũng không thể biết hết, chỉ có Phật mới biết hết.

### **4. Sinh, trụ, diệt nối nhau:**

“Cái gọi là sinh ra nối tiếp và sinh nhau nối tiếp trụ và trụ lẫn nhau, nối nhau diệt và diệt lẫn nhau”. Nối nhau tức trôi chảy. Có bản khác cũng nói trôi chảy. Nói trôi chảy, chỉ gọi thức thứ tám. Ba tướng nhớ nhiệm (tức nghiệp tướng, chuyển tướng và hiện tướng, như trong luận Khởi Tín có nói), chủng hiện không dứt, gọi là trôi chảy. Do duyên vô minh mà sơ khởi nghiệp thức, cho nên nói là sinh. Nối nhau nhiều kiếp cho nên gọi là Trụ, đến định Kim cương. Một niệm Đẳng giác nhỏ gốc vô minh, gọi là trôi chảy diệt. Tướng sinh, trụ, diệt, nghĩa là bầy thức còn lại tâm cảnh thô hiển, cho nên gọi là Tướng. Tuy bầy duyên tám, nhưng mong sáu làm tế, có đủ bốn hoặc, cũng gọi là Thô. Nướng vào hiện thức kia tự gieo trồng các cảnh, duyên hợp sinh ra bầy, gọi là tướng sinh. Nhiều kiếp huân tập gọi là tướng Trụ. Từ ngọn hương đến gốc, dần dần hàng phục dứt bỏ. Đến Địa thứ bảy đầy đủ gọi là tướng diệt. Nướng vào sinh diệt trước mà lập mê ngộ y, nướng vào sinh diệt sau mà lập nhiễm tịnh y. Sau ngăn trước dài sự chai ra hai thứ khác nhau, tức là lưu chú sinh trụ diệt, tướng sinh trụ diệt.

### **5. Vì sao gọi thức là sanh diệt:**

“Các thức có ba tướng, đó là nghiệp tướng, chuyển tướng và chân tướng”: Trên tuy đáp các thức có hai thứ sinh trụ diệt, nhưng chưa nói rõ vì sao thức gọi là sinh diệt. Đây lại nói ba tướng. Muốn phân biệt đối với các thức có sinh diệt, không sinh diệt. Nói chân tướng, là Như lai Tạng tâm tại triền bất nhiễm, tánh tự thân giải, gọi là tự chân tướng. Vô minh căn bản khởi tịnh khiến động, động gọi là nghiệp thức, tức là tướng lại-da rất nhỏ nhiệm, gọi là Nghiệp tướng. Chuyển tướng là nướng vào nghiệp tướng trước chuyển thành năng duyên và cảnh sở

duyên, sinh bảy chuyển thức, đồng gọi là chuyển tướng. Lại, từ tịnh khởi động gọi là Nghiệp, từ nội hưởng ngoại gọi là chuyển. Như lai Tạng tâm, không thể thêm bớt, gọi là chân tướng, cũng gọi là chân thức. Song, tuy ba tướng tên gọi khác nhau nhưng cũng đồng hai nghĩa nhất tâm là tùy duyên, bất biến, nghĩa là chân tâm bất biến tức tùy duyên, cho nên gọi chuyển tướng nghiệp tướng. Vì tùy duyên tức bất biến cho nên gọi chân tướng. Luận nói rằng tâm này từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh, do bị vô minh ô nhiễm cho nên có nhiễm tâm, đó là bất biến tức tùy duyên. Lại nói rằng tuy có nhiễm tâm mà thường hằng bất biến, đó là tùy duyên tức bất biến.

#### **6. Tám thức và hai thức:**

“Này Đại Tuệ! Thức nói rộng thì có tám thức, nói lược thì có hai thức, là hiện thức và thức phân biệt sự”. Đức Như lai ở trên nói các thức có ba tướng, đó là đã nói vừa chừng, nhưng ở đây lại nói các thức rộng lược, vì chúng sinh căn tánh khác nhau, sự thọ nhận hiểu biết có khác nhau. Nói rộng thì có tám: 1. Nhãn thức biết rõ đối với sắc. 2. Nhĩ thức biết rõ đối với thanh. 3. Tỷ thức biết rõ đối với hương. 4. Tỷ thức biết rõ đối với vị. 5. Thân thức biết rõ đối với xúc. 6. Ý thức nhận biết với các pháp. 7. Thức mạng-na (Hán dịch nhiễm ô ý), thường xét nét so lường, chỉ duyên kiến phần của tạng thức, cũng gọi thức truyền tống. 8. Gọi thức A-lại-da (Hán dịch là tạng thức) nghĩa là tám thức này đều là chúng sinh từ vô thủy đến nay không rõ tự tâm, theo vọng duyên khởi, trong đó thức thứ tám là thức căn bản, lập tức biến thành hạt giống căn thân khí giới, chuyển sinh nầy thức đều có khả năng biến hiện tự phần sở duyên (sở duyên tức là cảnh. Sắc là nhãn thức tự phần sở duyên, cho đến ba cảnh là thức A-lại-da tự phần sở duyên, không bao giờ có tâm ngoài pháp, có thể làm duyên cho tâm, nhưng từ tự tâm sinh, lại làm tướng cho tâm). Ngoài tám thức này thật không có ngã pháp.

#### **7. Nói về thức biến:**

Hỏi: Biến như thế nào?

Đáp: Vì năng lực huân tập của phân biệt ngã pháp nên khi các thức sinh thì biến dưỡng như có ngã pháp. Thức thứ sáu, thứ bảy bị vô minh che lấp, duyên chấp này làm thật ngã thật pháp, như người nằm ngủ, do năng lực của chiêm bao cho nên tâm dưỡng như có nhiều tướng cảnh bên ngoài hiện ra, khi mộng chấp là thật có cảnh bên ngoài, khi thức mới biết chỉ do mộng biến hiện, thân tướng này của ta và các pháp sắc không ở thế giới bên ngoài, cũng giống như vậy. Chỉ do thức hiện ra, mê cho nên chấp có ngã và các pháp, khi ngộ mới biết do tâm thức

hiện, vì như thật biết không có cảnh giới trước, các thứ phương tiện sinh khởi hạnh thuận theo. Chuyển tám thức thành bốn trí Bồ-đề, an trụ bí tạng, rốt ráo Niết-bàn, cho nên ngài Tào Khê nói rằng: Trí Đại viên cảnh tánh thanh tịnh, Trí bình đẳng tánh tâm vô bệnh, Trí diệu quán sát thấy chẳng có công, Trí thành sở tác đồng viên cảnh. Thứ năm thứ tám thứ sáu thứ bảy quả nhân xoay chuyển, chỉ chuyển tên gọi mà không thật tánh. Nếu đối với chuyển xứ không dính mắc, mãi mãi ở trong na-già định, thì thức này chuyển thành trí. Lược thì chỉ có hai: Nghĩa là chuyển thức và thức phân biệt sự. Bản dịch của ngài Cầu-na nói rằng lược có ba thức, trong hiện thức thêm một chân thức. Nếu giải thích ba thức, chân nghĩa là tánh tịnh bản giác, hiện nghĩa là lại-da hiện thức, còn bảy thức khác đều gọi là thức phân biệt sự. Tuy thức thứ bảy không duyên ngoài trần, duyên thức thích cũng gọi là thức phân biệt sự. Chân là bản giác, tức thức thật tánh. Ở đây giải thích rằng: Hiện thức thuộc lại-da, thức phân biệt sự thuộc sáu thức trước, không nói thức thứ bảy, nghĩa là thức thứ bảy mặt-na chấp bên trong làm ngã, thuộc lại-da, chấp bên ngoài làm ngã sở thuộc sáu thức trước. Chân tức là thức thật tánh, cũng thuộc lại-da tịnh phần. Vì vậy nói lược thì chỉ có hai, thường không xâm phạm với thuyết này.

#### **8. Nói về hiện thức:**

“Này Đại Tuệ! Thí như gương sáng hiện các sắc tượng, hiện thức cũng giống như vậy”: Đây là nêu ví dụ hợp để nói rõ hiện thức. Nói hiện thức như gương, cảnh giới sở hiện như tượng, nên luận Khởi Tín chép: Ba cõi luống dối do tâm tạo ra, lìa tâm thì không có cảnh giới sáu trần. Lại nói rằng tạng thức thứ tám làm nơi nương tựa, chuyển sinh thức thứ bảy, trong đó, thức thứ sáu tạo ra nghiệp dẫn mãn, chiêu cảm quả báo chung riêng như gương hiện hình tượng, mảy may không sai. Nói quả báo chung riêng: 1. Quả báo chung, thuộc thức thứ tám. 2. Quả báo riêng, ở trong sáu thức trước. Vả lại, nói theo nghiệp lành dữ thì như giữ gìn năm giới chiêu cảm được làm thân người, đó là nghiệp báo chung. Do trong nhân có sân nhẫn v.v... nên ở trong nghiệp báo chung của loài người mà có tốt, có xấu v.v... gọi là nghiệp báo riêng, cũng gọi là dẫn mãn nghiệp, tức có công năng chiêu cảm thức thứ tám dẫn dị thực quả, gọi là dẫn nghiệp. Năng chiêu cảm quả mãn dị thực của thức thứ sáu gọi là mãn nghiệp. Nhưng suy nghĩ về dẫn nghiệp năng tạo kia, phải là ý thức thứ sáu dẫn khởi, hoặc mãn nghiệp kia, suy tư năng tạo từ năm thức dẫn khởi. Tuy tạo mãn nghiệp cũng chẳng phải tự có khả năng, do ý thức dẫn mới có thể tạo tác. Thức thứ bảy kia chỉ có hai

chươngng câu sinh hoặc trí: Nghiệp chươngng báo chươngng. Bảy thức kia đều không, tuy có bốn hoặc, chỉ duyên bên trong nên thuộc về tánh hữu phú vô ký, thì không thể gây ra hai nghiệp thiện ác, chỉ có sáu thức trước khởi hoặc tạo nghiệp. Nghiệp thành khó tránh chiêu cảm các dị báo, như gương hiện bóng, không sót mảy may. Cho nên Kinh Lăng-nghiêm chép: Sáu thức tạo nghiệp chiêu cảm báo ác từ sáu căn ra, hoặc chú giải kinh này chỉ ra thức thứ bảy có khả năng gây ra nghiệp thiện ác, giáo không có văn nói rõ. (Chỉ bộ Tông cảnh lục, bảy mươi ba quyển đầu, nhờ nương vào phần chú giải xưa, mà nói thức thứ bảy tạo nghiệp. Lại cùng với Lục này tiết mục dẫn kinh luận nghĩa rõ ràng các thức xứ đều trái nhau, suy đoán sẽ thấy).

#### **9. Hiện thức và thức phân biệt sự không khác nhau:**

“Này Đại Tuệ! Hiện thức và thức phân biệt sự, hai thức này không khác nhau làm nhân cho nhau”. Nói lại-da hiện thức và thức phân biệt sự không có tướng khác, đều do một niệm đầu tiên làm duyên. Nay tâm chân như không giữ tự tánh, tùy duyên mà thành có, các thức huân tập lại làm nhân lẫn nhau, trôi lăn không dứt. Cho nên kinh Hoa Nghiêm chép: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, tâm, ý các tình căn, do sự thường trôi lăn này mà không thể chuyển. Sở kia giải thích rằng: Nói lấy đây, nghĩa là dùng tám thức trên tự làm năng huân, sở huân, xoay vần làm nhân, cho nên mà thường trôi lăn không phân biệt ngã nhân, cho nên nói vô năng chuyển. Lại nói rằng ngoài thức chẳng có pháp cũng là không, cho nên nói hai thức này không có tướng khác, làm nhân lẫn nhau.

#### **10. Nói rộng nguyên nhân sinh trụ của các thức:**

“Này Đại Tuệ! Hiện thức lấy bất tư nghị huân và bất tư nghị biến làm nhân, cho đến thói quen hý luận làm nhân”. Ở đây lại nói rộng nguyên nhân sinh trụ của các thức. Nói chung thì hai thức thô tế đều nương vào Vô minh trụ địa mà khởi. Vì vô minh căn bản, làm động tâm thanh tịnh kia mà khởi thức nhỏ nhiệm, nương vào thức nhỏ nhiệm này chuyển khởi tâm thô, cho nên dùng vô minh thông làm gốc. Nếu nói riêng thì nương vô minh làm nhân, sinh ba tâm bất tương ưng nhỏ nhiệm. Nương cảnh giới làm duyên, sinh ra ba tâm tương ưng thô, cho nên nói hai thức thô tế, mỗi thức đều có đủ hai nhân, mới được sinh trụ.

Nói bất tư nghị huân, nghĩa là vô minh năng huân chân như, vì chỗ không thể huân mà huân được nêu, gọi là bất tư nghị huân. Lại, huân thì không huân; luận chủ không huân gọi là bất tư nghị huân.

Nói bất tư nghị biến, nghĩa là tâm chân như bị vô minh huân, không thể biến dị mà biến dị, cho nên gọi bất tư nghị biến. Lại, biến tức

bất biến; biến của bất biến gọi là bất tư nghị biến.

### **11. Dẫn kinh luận làm sáng tỏ:**

Kinh Thắng-man chép: Bất nhiễm mà nhiễm, khó rất dễ hiểu rõ, nghĩa là bất tư nghị này. Nhưng sự huân biến này rất nhỏ nhiệm lại ẩn kín, cho nên hành tướng của hiện thức sinh khởi rất nhỏ nhiệm, ở trong đó cũng có chuyển thức, nghiệp thức. Nêu thô để bày tế, cho nên chỉ nói hiện thức, tức luận Khởi Tín nói bất tương ứng tâm. Nói phân biệt cảnh giới, tức là hiện thức sở hiện các thứ cảnh giới, trở lại làm động biến tâm kia, khởi các sóng sự thức. Nói thói quen hý luận từ vô thủy, tức hòa hợp trong biến tâm kia, vọng niệm thói quen hý luận, từ vô thủy đến nay thói quen không dứt, không hề lìa niệm, cho nên cảnh giới này và vọng niệm hý luận huân động biến tâm sinh ra các thức. Do vọng niệm và cảnh giới, thô nên hiển hiện, vì thế sinh khởi thức phân biệt sự hành tướng thô hiển, tức luận Khởi Tín gọi là tương ứng tâm. Ở đây nghĩa là hiện thức nương bất tư nghị huân cho nên được sinh, nương bất tư nghị biến cho nên được trụ. Thức phân biệt sự nương cảnh giới cho nên được sinh, nương biến tâm cho nên được trú. Đoạn trên Phật nói các thức có hai thứ sinh trụ diệt đến đây đã xong. Nghĩa là do vô minh huân tập chân như thành nhiễm duyên khởi. Cho nên luận nói: Phải biết vô minh có công năng sinh ra tất cả pháp nhiễm, tất cả pháp nhiễm đều là tướng bất giác.

### **12. Nói về thức A-lại-da:**

“Này Đại Tuệ! Thức A-lại-da luống đối phân biệt, cho đến đó gọi là danh tướng diệt”. Dưới đây là nói, nếu hiểu được nguồn gốc của vọng thì duyên tịnh khởi. Nói thức A-lại-da hòa hợp trong biến tâm. Nếu vọng niệm phân biệt các thứ thói quen diệt, thì tất cả căn thân diệt. Nói tất cả căn, nghĩa là ý căn khởi thức mà phân biệt được tất cả các pháp, thì gọi là Nhất thiết căn thức, tức là tướng ý thức thứ sáu, và sở y thứ bảy mặt-na hiện hành thức diệt, gọi là tướng sinh trụ diệt thức diệt. Có chỗ nói các thứ thói quen ấy, là y theo tông Duy thức, nói các thói quen gồm có ba thứ: 1. Thói quen danh ngôn: Nghĩa là pháp hữu vi mỗi pháp đều có thân chủng. Danh ngôn có hai: a. Nêu nghĩa danh ngôn, tức có khả năng giải thích nghĩa, âm thanh khác nhau; b. Hiển cảnh danh ngôn, tức có khả năng hiểu rõ cảnh tâm tâm sở pháp, tùy hai thức danh ngôn sở huân thành hạt giống, tạo ra pháp hữu vi, đều có nhân duyên riêng. 2. Thói quen Ngã chấp: nghĩa là luống đối chấp ngã và ngã sở. Ngã chấp có hai: a. Câu sinh ngã chấp, tức chấp ngã, ngã sở do tu mà dứt; b. Phân biệt ngã chấp, tức chấp ngã, ngã sở do thấy đạo mà diệt, tùy hai

thứ ngã chấp huân thành hạt giống, giúp cho loài hữu tình v.v... mình và người khác nhau. 3. Thói quen hữu chi: Nghĩa là chiêu cảm quả dị thực trong ba cõi. Hữu chi có hai: a. Thiện hữu lậu, có công năng chiêu cảm nghiệp quả đáng ưa; b. Các bất thiện, có công năng chiêu cảm nghiệp quả chẳng đáng ưa, tùy theo hai hữu chi huân tập mà thành hạt giống, giúp cho quả dị thực chia đường thiện ác khác nhau. Các thuyết về thói quen, đều y theo đây nên biết.

**13. Nói nhân sở y và sở duyên diệt:**

“Này Đại Tuệ! Nối nhau diệt, cho đến tự tâm sở kiến phân biệt ảnh giới”: Nói nhân sở y và sở duyên diệt, tức nối nhau diệt, nghĩa là chỗ nương thói quen căn bản vô minh từ vô thủy diệt, và cảnh giới sở duyên pháp duyên nhiễm diệt, tức là thức lưu chú sinh trụ diệt nhỏ nhiệm thức diệt. Nói nhân sở y, là thói quen hý luận từ vô thủy. Sở duyên, nghĩa là tự tâm cảnh giới phân biệt sở kiến. Kinh có nhắc lại giải thích vô minh bị diệt, và ý nghĩa cảnh giới vọng làm nghĩa nhân duyên, cho nên luận chép: Do vô minh diệt cho nên tâm không sinh khởi, do tâm không khởi nên cảnh giới theo đó mà diệt. Vì nhân, duyên đều diệt nên tâm tướng đều hết, gọi là chứng đắc Niết-bàn thành nghiệp tự nhiên.

**14. Nêu hai ví dụ:**

“Này Đại Tuệ! Thí như nắm đất và hạt bụi, cho đến vàng và các thứ trang sức cũng giống như vậy”. Đây là dẫn hai ví dụ, ví dụ trên là hai duyên nhiễm và tịnh khởi: 1. Thể của chân vọng chẳng phải một, chẳng phải khác. 2. Chỉ có vọng diệt chứ chân không mất, nghĩa lời văn tiếp theo sẽ giải thích.

“Này Đại Tuệ! Nếu khối đất và hạt bụi khác, cho đến khối đất và hạt bụi lẽ ra không khác nhau”. Nếu nói khối đất và hạt bụi thật có khác nhau thì khối đất lẽ ra chẳng phải do hạt bụi tạo thành, mà thật do hạt bụi tạo thành, cho nên không thể nói khác. Nếu thật không khác thì khối đất và hạt bụi lẽ ra không khác nhau. Đã là nhân quả thô, tế có khác nhau, cũng chẳng thể nói đồng nhất.

**15. Nói về chuyển thức và tàng thức:**

“Này Đại Tuệ! Chuyển thức và tàng thức nếu khác nhau, cho đến nhưng chân tướng kia chẳng diệt”. Dùng pháp hợp để ví dụ, nói chẳng phải một, chẳng phải khác. Nói các thức chuyển và tàng thức khác nhau khi gió vô minh huân động, thể của tàng thức lẽ ra không tùy duyên, rơi vào lỗi thường. Nhưng Như lai Tạng tàng thức ấy là nhân lành hay không lành đều tùy duyên. Nếu không khác thì khi chuyển thức diệt thì tàng thức lẽ ra cũng phải diệt, thì rơi vào lỗi đoạn. Nhưng chân tướng

của tàng thức rốt ráo không diệt. Cho nên luận Khởi Tín chép: Vì tướng của tất cả tâm thức đều là vô minh; tướng vô minh không lìa giác tánh, không thể hoại, chẳng phải không thể hoại, như nước của biển lớn, do gió mà sóng động, tướng nước tướng gió không xa lìa nhau, nhưng nước chẳng phải tánh động. Nếu gió dừng diệt tướng động thì tánh ướt không hoại. Như vậy tâm chúng sinh tự tánh thanh tịnh, bị gió vô minh làm động, tâm và vô minh đều không có hình tướng, không lìa bỏ nhau. Nhưng tâm chẳng phải tánh động, nếu vô minh diệt thì thức nối nhau diệt, trí tánh không hoại.

**16. Như lai tạng bị ác tập luống dối từ vô thủy huân tập:**

“Này Đại Tuệ! Chân tướng của thức chẳng diệt, cho đến thì chẳng khác đoạn diệt hý luận của ngoại đạo”. Như đoạn kinh ở dưới nói: Như lai Tạng bị ác tập luống dối từ vô thủy huân tập, gọi là tàng thức. Cho nên luận nói không sinh không diệt hòa hợp với sinh diệt, chẳng phải một, chẳng phải khác gọi là cụ phần A-lại-da thức, vì vậy trong tàng thức này không sinh không diệt, tịnh phần chân tướng không bao giờ diệt, nhưng nghiệp tướng nhiễm phần sinh diệt bị diệt, nếu chân tướng diệt thì thật tánh của tàng thức lẽ ra cũng diệt, nếu thật tánh của tàng thức diệt, thì giống với chấp đoạn của ngoại đạo, cho nên luận rằng: Nói diệt, là chỉ cho tâm tướng diệt, chẳng phải tâm thể diệt. Lại nói rằng chỉ vì si diệt nên tâm tướng diệt theo, chẳng phải tâm trí diệt.

**17. Vọng chấp của ngoại đạo:**

“Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia nói như vậy, cho đến thì thức nối nhau từ vô thủy cũng diệt” nghĩa các ngoại đạo thấy khi chết thân tan rã, sáu thức không thể chấp cảnh, một đời thức nối tiếp nhau sinh thì tùy theo lúc bốn đại duyên chia lìa, tức chấp đắm nối nhau từ vô thủy diệt hẳn, không còn có nghiệp báo thọ sinh nối nhau, nên gọi là rơi vào chấp đoạn. Vì vậy nên bài kệ dưới nói, sắc thức dù chuyển diệt, nhưng nghiệp không hoại mất, khiến đối với các hữu, sắc thức lại nối nhau, nếu sắc thức chuyển diệt, các nghiệp hoại mất, thì không còn sinh tử, cũng không có thường, vô thường, tức hai kiến chấp đoạn, thường cũng đều lìa. Đâu có đồng với vọng chấp đoạn diệt của ngoại đạo!

**18. Ngoại đạo chấp thắng tánh:**

“Này Đại Tuệ! Các ngoại đạo kia nói thức nối nhau, cho đến chỉ nói tác giả làm nhân sinh”: Các ngoại đạo nói, sáu căn chấp lấy cảnh giới sáu thức, chấp từ thần ngã tà nhân v.v... sinh, không nói các thức như nhãn thức v.v... Từ các nhân duyên như sắc v.v... sinh ra, chỉ vì chấp tác giả làm nhân sinh cho nên gọi là ngoại đạo. “Tác giả là gì? Kia chấp



thắng tánh, hoặc trượng phu, hoặc tự tại, hoặc thời và hạt bụi làm người năng tác”. Thắng tánh cũng dịch là thắng diệu, là vị thiên chủ sống ở tầng trời phạm thiên. Trượng phu là tên khác của ngã. Tự tại là trời Đại Tự Tại, cho đến chấp thời tiết, hạt bụi v.v... làm người năng tác. Lại còn chấp các thứ khác như đoạn dưới nói rộng.

**19. Tự tánh có bảy thứ:**

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có bảy thứ tự tánh, cho đến Duyên tự tánh thành tự tánh”. Từ đoạn dưới lại nói về hai duyên nhiễm tịnh chân vọng thức thể. Bảy tự tánh này thành thân vọng thức sinh diệt trên, nghĩa là thể tánh phiền não có công năng chứa nhóm các nghiệp thiện ác, cho nên gọi phiền não là Tập tự tánh. Đã có tập nhân thì sẽ có tánh quả khổ ở vị lai, cho nên nói tánh tự tánh. Đã có quả khổ, thì sẽ có hình tướng, cho nên nói tướng tự tánh. Đã có hình tướng, thì là từ bốn đại chủng sinh, cho nên nói đại chủng tự tánh. Đã có bốn đại, thì từ nhân duyên tạo thành, cho nên nói nhân tự tánh, duyên tự tánh, thành tự tánh. Nhưng vọng không có thể tánh riêng, tùy theo sự chấp đắm mà đặt tên.

**20. Nghĩa bậc nhất có bảy thứ:**

“Lại nữa, Nay Đại Tuệ! Có bảy thứ Đệ nhất nghĩa, cho đến Như lai tự chứng trí sở hành”: Đệ nhất nghĩa để đạo lý không hai, vì người chứng khác nhau mà có hơn kém. Bảy thứ này thành pháp thân chân thức bất sinh bất diệt ở trên. Sở hành, bản dịch khác gọi là cảnh giới, tức cảnh giới sở hành, nghĩa là phát tâm Bồ-đề, duyên Đệ nhất nghĩa pháp tánh Như lai Tạng tâm, cho nên gọi là tâm sở hành thắng giải hạnh địa Bồ-tát v.v... Mỗi thứ đều sinh khởi mười trí tuệ, duyên theo chân như, nên gọi trí sở hành sơ địa Bồ-tát, chánh chứng chân như, thấy hai thứ vô ngã, nên gọi là hai chấp sở hành. Bồ-tát Địa thứ tám khởi Hai thừa, vượt Địa thứ bảy, cho nên gọi siêu hai kiến chấp sở hành. Địa thứ mười vượt qua địa thứ chín, cứu địa gọi là nhất tử địa. Hai sở hành sau tức là Phật địa.

“Nay Đại Tuệ! Đây là quá khứ, vị lai, hiện tại cho đến pháp tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm”. Bảy thứ Đệ nhất nghĩa này, là pháp tánh Đệ nhất nghĩa mà các Đức Phật ba đời đã chứng. Như lai tạng tâm, chẳng phải duyên lự vọng thức.

**21. Nói về đức dụng của chân tâm:**

“Do pháp tự tánh Đệ nhất nghĩa tâm này mà thành tựu pháp thế gian, xuất thế gian tối thượng của Như lai”. Từ đoạn này trở xuống là nói về đức dụng của chân tâm. Vì có Đệ nhất nghĩa tâm, cho nên có

công năng thành tựu pháp thân Như lai và tất cả các pháp thế gian, xuất thế gian, tối thượng Bồ-đề, Niết-bàn tịnh diệu v.v... Nếu không có tâm này thì không thể thành tựu.

“Vì Thánh mắt tuệ nhập tự tướng, cộng tướng an thứ các lập, không đồng với ác kiến của ngoại đạo”: Ý nói Thánh mắt tuệ nhập tất cả pháp tự tướng, cộng tướng các thứ an lập. Chỉ là nhất tâm, chỗ an lập kia đều giúp cho ngộ nhập tri kiến Phật, không đồng với ác kiến của ngoại đạo. Lại nói rằng bảy thứ Đệ nhất nghĩa tâm này là trí tuệ sở kiến của bậc Thánh, lập ra bảy thứ khác nhau làm tự tướng, cùng thành pháp thân làm cộng tướng, các nghĩa khác như trên nói.

**22. Nêu lên giải thích ác kiến:**

“Này Đại Tuệ! Thế nào là đồng với ác kiến của ngoại đạo nói, cho đến thấy có thấy không mà khởi bàn luận hai kiến chấp”: Đây là nêu giải thích ác kiến, nghĩa là các hàng ngoại đạo kia không biết tất cả pháp trong cảnh giới đều do tự tâm phân biệt hiện ra, đối với tự tánh Đệ nhất nghĩa nói là hữu vô.

**23. Lià vọng niệm chỉ có chân tâm:**

“Này Đại Tuệ! Nay ta sẽ nói nếu hiểu rõ cảnh như huyễn, cho đến và không biết ái, nghiệp duyên, Phật dạy nếu hiểu rõ cảnh giới do tự tâm hiển hiện”. Như huyễn không thật, thì tất cả vọng tưởng v.v... đều diệt. Nói khổ ba cõi là quả. Vô tri, là vô minh, ái là phiền não, nghiệp là các nghiệp hữu lậu thiện ác, ba thứ này đều là nhân. Cho nên luận nói nếu lià vọng niệm thì không có tướng tất cả cảnh giới, chỉ có một chân tâm.

**24. Người khởi tà kiến là hai thừa và ngoại đạo:**

“Này Đại Tuệ! Nếu có các Sa-môn, Bà-la-môn v.v... cho đến nương vào duyên sinh trụ hữu rồi liền diệt”. Nói người khởi tà kiến, không ngoài hai chúng xuất gia và tại gia, cũng là hai chúng hai thừa và ngoại đạo. Phi hữu, nghĩa là chấp hư không tự nhiên là nhân. Và hữu nghĩa là chấp cát bụi thế tánh tự tại thiên v.v... là nhân. Tức là chấp vô nhân, tà nhân là nhân năng sinh. Chính là ở ngoài nhân quả chấp các vật hiển hiện, nương thời gian mà trụ đều là sở chấp của ngoại đạo, hoặc chấp năm uẩn, mười tám giới, mười hai xứ, nương nhân duyên sinh trụ, vô thường thay đổi. Sinh rồi liền diệt, không rõ chân tâm thường trụ, là sở chấp của Hai thừa, đều mê chấp tự tâm hiện.

**25. Nhắc lại chấp để bác bỏ:**

“Này Đại Tuệ! Kia hoặc chấp nối nhau, hoặc chấp tác dụng, cho đến không thể thấy được nguồn gốc”. Ở đây nhắc lại để bác bỏ. Nói

hoặc nối nhau, tức nói chung nhân quả kia không dứt. Hoặc chấp tác dụng, tức nhắc lại trong sự sinh diệt kia tạm thời hữu dụng. Hoặc các hữu, hoặc ấm, giới, nhập diệt gọi là Niết-bàn, hoặc hướng về Niết-bàn gọi là đạo; hoặc các nghiệp hữu lậu, hoặc tu đạo chứng đắc gọi là quả, hoặc hai mươi lăm đế như minh sư, v.v... Trên đây đều là nhắc lại chấp. Nói là phá hoại đoạn diệt. Phá chấp nghĩa là nói ngoại đạo từ vô chủng mà sinh, tức là phá hoại nhân quả. Lại nói từ hữu chủng sinh, sinh rồi diệt, là nói về luận thuyết đoạn diệt. Nói vì cớ sao? Tức là nêu lời tổng kết, nghĩa là vọng chấp ở trên tức thể phi hữu, cho nên nói không được hiện pháp. Vì sao chỉ hiện chấp vốn không, cùng cực nhân ban đầu cũng không thật có. Cho nên nói không thể thấy được cội gốc.

**26. Nêu thí dụ để làm sáng tỏ:**

“Này Đại Tuệ! Thí như cái bình bể không thể làm được việc của cái bình, cũng như hạt giống bị cháy không thể làm được việc nảy mầm”. Kế là dẫn thí dụ để làm sáng tỏ. Nói như cái bình đã bể, không có tác dụng làm được việc, dùng để thí dụ vô chủng thì vô pháp. Không thể làm nhân cho ấm, giới, nhập. Lại như tuy có hạt giống cũng bị cháy không thể nảy mầm được. Lấy thí dụ tuy có trời Tự tại v.v... làm hạt giống, không thể làm nhân cho ấm, giới, nhập nối nhau sinh.

**27. Hợp với pháp:**

“Ở đây cũng vậy, nếu tánh của ấm, giới, nhập, diệt, cho đến chỉ là tự tâm, tâm luống dối mà thấy”. Sau là nói pháp hợp. Vì hai nhân trên không thành, tức không có tánh ấm, giới, nhập để diệt. Nay ngoại đạo nói có tánh ấm, giới, nhập. Nói trong ba đời diệt được chứng Niết-bàn, là tự tâm vọng tưởng. Ấm, giới, nhập kia không nối nhau sinh, vì hữu chủng, vô chủng không thành nhân cho nên nói chỉ là tự tánh luống dối mà thấy.

**28. Lặp lại câu lại nữa ở văn trước:**

Lại nữa, Này Đại Tuệ! Nếu vốn không có thức, cho đến nếu có tạo sự nghiệp thấy đều luống uổng, vô ích: Lặp lại câu lại nữa ở văn trước, bác bỏ chuyển chấp nghĩa là phá chuyển chấp sở sinh, cùng với vô chủng, hữu chủng, ba duyên hòa hợp mà sinh. Rùa lẽ ra sinh lông, cát lẽ ra ép ra dầu; nhưng rùa vốn không có lông, cát vốn không có dầu. Hợp cũng không sinh, thể của ba duyên vốn không thì làm sao sinh quả. Tông của ông đã hoại, trái với nghĩa quyết định. Dụ bác bỏ không thành, cho nên nói tông hoại. Vì trái với nghĩa quyết định năng sinh của ông, lại, đối với nhất tướng vọng chấp. Ba duyên trái với nghĩa Đại thừa quyết định của ta. Sự nghiệp làm ra đều luống uổng, vô ích, vì sự tức là

quả, nghiệp chính là nhân. Nói nhân quả sự nghiệp, đều chỉ là nói dối, đều không có nghĩa thật.

**29. Nhắc lại lỗi ấy:**

“Này Đại Tuệ! Ba thứ hợp lại làm duyên, là tánh nhân quả, cho đến huân tập khí còn lại mà nói như thế”: Đây là nhắc lại lỗi kia, nghĩa là hàng ngoại đạo kia dùng ba thứ hợp lại làm duyên, đó là tánh nhân quả, có thể nói là thành pháp ba đời. Đây là điều lầm lẫn truyền thừa nhau và tự ác kiến nói như thế.

**30. Phàm phu ngoại đạo bị ác kiến làm hại:**

“Này Đại Tuệ! Phàm phu ngu si bị ác kiến nuốt sống, cho đến lối xưng là do bậc Nhất thiết trí nói”: Ý nói phàm phu, ngoại đạo bị ác kiến say mê loạn nuốt sống, không thể tự biết mình là ngu si vô trí, nói dối là do bậc Nhất thiết trí nói. Ngoại đạo là chỉ cho sáu vị giáo chủ ngoại đạo và tất cả người trí. Hai thừa chấp quyền trí là thật trí.

**31. Chánh quán là gì?**

“Này Đại Tuệ! Lại có Sa-môn, Bà-la-môn, cho đến suy tư như vậy thường hằng không bỏ”. Từ đoạn dưới đây là nói người chánh kiến, quán tất cả pháp đều vô tự tánh, như huyễn mộng, v.v... không lìa tự tâm, vô năng thủ sở thủ và sinh trụ diệt, quán sát như thế không xen hở. Đây gọi là chánh quán.

**32. Nói về sự tu hành của các Bồ-tát Đăng địa:**

“Này Đại Tuệ! Vị Đại Bồ-tát này, cho đến chuyển nương thứ lớp thành thân Như lai”. Đại Bồ-tát này, tức các vị Sa-môn, Bà-la-môn chánh kiến ở trên. Thực hành đạo vô tướng, nghĩa là muôn hạnh đều tu, ba luân thể vắng lặng. Dần dần tiến lên các địa, đầu tiên trước lên Hoan hỷ địa thứ bảy, cho đến địa Viễn hành thứ bảy. Chứng pháp vô sinh, nghĩa là chứng đắc vô công dụng đạo, dưới lên địa Bất động thứ tám.

Nhập Kim cương dụ tam-muội, nghĩa là Bồ-tát Sơ địa mới chứng được trí vô phân biệt, dứt chướng dị sinh tánh. Bồ-tát từ địa thứ hai đến địa thứ mười như thật tu hành, dần dần dứt bỏ các chướng, thêm lớn công đức cao quý. Đến địa thứ mười một tức là Bồ-tát Đăng giác dùng trí phương tiện của Kim cương dụ định chóng dứt bỏ hạt giống câu sinh hai chướng, chuyển nương thứ lớp thành thân Như lai, tức sau Đăng giác nhớ nghĩ đạo giải thoát, dứt bỏ thói quen hai chướng, liền chứng được Vô thượng Bồ-đề và Đại Niết-bàn của Như lai. Quả hai chuyển y: 1. Chuyển nhiễm thành tịnh; 2. Chuyển mê thành ngộ. Lại nữa, Bồ-đề gọi là sinh đắc. Hai chướng không sinh, nay dứt chướng được sinh. Niết-bàn gọi là hiển đắc. Bản tánh thanh tịnh, bị khách trần che lấp nên nay

dứt mà kia hiển. Giai vị chuyển y chung riêng có sáu thứ, cho nên nói chuyển y thứ lớp mà thành thân Như lai. Các nghĩa khác như đoạn văn dưới có thể lấy ý mà hiểu.

**33. Muốn chứng đắc thân Phật thì phải xa lìa hai quả, ba khoa:**

“Bồ-tát Nay Đại Tuệ! Cho đến Tự tất-đàn phải khéo tu học”. Ý nói chỉ trụ tâm lượng quán sát ba cõi. Lại nói rằng giúp cho thông đạt duy tâm, dần dần nhập vào các địa, nghĩa là pháp môn nhất tâm này, là điều căn bản của phàm lẫn Thánh, nếu mê thì bị rơi vào vòng sinh tử của thế gian, nếu ngộ thì chứng Bồ-đề xuất thế gian. Cho nên các bậc tiên Thánh nói: Thế gian không vượt ngoài ba khoa, xuất thế gian không vượt ngoài hai quả. Hai quả: tức như trên giải thích thành thân Như lai quả hai chuyển y. Ba khoa: tức các pháp vọng tâm như năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới này. Cho nên nói muốn chứng đắc thân Phật, thì phải xa lìa, cho đến quán sát giúp cho thông đạt duy tâm, đối với tự tâm tông khuyên khéo nên tu học.

**34. Nói về sóng biển tàng thức, cảnh giới pháp thân:**

“Lúc ấy, Đại Bồ-tát Đại Tuệ, cho đến biển sóng tàng thức cảnh giới pháp thân”. Đại Tuệ ở trong đó. Tuy thỉnh chung nói về tâm, ý, ý thức, năm pháp, tự tánh, ý muốn Như lai đáp lời hỏi trước, cho nên tổng kết thừa thỉnh chỉ nói: Thuận theo các Đức Phật nói sóng biển tàng thức cảnh giới pháp thân. Nói các Đức Phật dạy tâm xứng với nghĩa chân thật, để phân biệt với tâm thức chẳng luống dối. Nói tâm, là tóm lược nêu bày danh thể chung có bốn thứ, tiếng Phạm đều có khác nhau phiên dịch cũng khác nhau: 1. Hột-ly-đà-da, Hán dịch là Nhục đoàn tâm, là trái tim trong sắc thân. Như trong Ngũ tạng luận của Huỳnh Đình Kinh ở Trung Quốc nói. 2. Tâm duyên lự, đây thức thứ tám cùng năng duyên lự tự phần cảnh, thức thứ tám này đều có tâm số cũng gọi là tâm sở, trong đó hoặc vô ký, hoặc chung cho thiện nhiễm khác nhau, là tự tâm sở trong các kinh luận, pháp gọi chung là tâm, gồm tâm thiện, tâm ác v.v... 3. Chất-đa-la, Hán dịch tập khởi tâm, là chỉ cho thức thứ tám căn bản, chứa nhóm hạt giống các pháp mà sinh khởi hiện hạnh. 4. Càn-lật-đà-da, Hán dịch là Trinh thật tâm, cũng gọi là Kiên thật tâm, đây là tâm chân thật. Nhưng thức thứ tám không có tự thể riêng, chỉ là chân tâm, vì bất giác và các vọng tưởng mà có nghĩa hòa hợp, không hòa hợp. Nghĩa hòa hợp, có khả năng bao gồm pháp tịnh và nhiễm, gọi là tàng thức. Nghĩa bất hòa hợp là thể thường bất biến, gọi là chân như. Đây tức là giáo tâm của các Đức Phật, xứng với nghĩa chân thật, lìa tướng sở hành. Tuy bốn thứ này thể đồng, nhưng mê ngộ chân vọng nghĩa có khác. Như

chấp vàng thật, phải biết rõ ngôi gạch và vàng giả nên bỏ hết, dù không biết vàng, nhưng thể của vàng cũng tự hiện.

**35. Do bốn nhân nên nhãn thức chuyển:**

“Khi ấy, Thế Tôn bảo Bồ-tát Đại Tuệ rằng, cho đến Muốn thấy các thứ sắc tướng”. Phật dạy có bốn nhân duyên nên nhãn thức chuyển, chuyển sinh. 1. Là do bất giác trần bên ngoài nên tự tâm hiện mà chấp đắm. 2. Từ vô thủy đến nay huân tập vọng tưởng chấp sắc không dứt. 3. Bản tánh của thức là như vậy, có công năng biết rõ tự tánh. 4. Muốn thấy các sắc tướng.

“Này Đại Tuệ! Do bốn duyên này, cho đến giống như gió mạnh thổi nước biển cả”. Ý nói đây là bốn duyên này, giúp cho dòng nước tàng thức và sóng chuyển thức sinh. Nếu nhãn thức đã như vậy thì các thức khác cũng như vậy. Đối với tất cả các căn, lỗ chân lông, hạt bụi, các chuyển thức như nhãn thức v.v... hoặc liền sinh ra, thí như gương sáng hiện các sắc tượng, không có trước sau hoặc dần dần sinh như gió mạnh thổi nước biển cả.

“Sóng trước dậy, sóng sau dậy theo”. Là nói hạt bụi, lỗ chân lông, tức là thân căn sắc trần.

“Gió cảnh giới bên ngoài trôi giạt biển tâm cũng như vậy, khởi các sóng thức nối nhau không dứt”. Ý nói bên ngoài vì gió cảnh giới làm kích động biển tâm Như lai Tạng, các sóng thức nổi dậy, tạo nghiệp cảm quả báo sinh tử không dừng cũng giống như vậy.

**36. Các thức xoay vần làm nhân lẫn nhau:**

“Này Đại Tuệ! tướng sở tác của Nhân chẳng phải một, chẳng phải khác, cho đến cảnh tướng khác nhau mà có ý thức sinh”. Đây là nói các thức xoay vần làm nhân lẫn nhau. Nói tướng sở tác của nhân chẳng phải một, chẳng phải khác, nhân tức là Như lai Tạng thức thứ tám, tướng sở tác, nghĩa là bảy chuyển thức từ thức thứ tám sinh. Chẳng phải một, là hành tướng của các thức khác nhau. Chẳng phải khác là đều do duyên khởi vô tự tánh. Nói nghiệp và tướng sinh trói buộc nhau càng chặt, nghĩa là thức thứ tám biến khởi căn thân, khí giới gọi là tướng sinh. Hai thức thứ sáu thức thứ bảy bị vô minh che lấp, do đây chấp làm thật ngã, thật pháp, ý thức thứ sáu dẫn khởi thức trước tạo dẫn mãi nghiệp, chiêu cảm quả báo sinh tử không dừng, cho nên nói nghiệp và tướng sinh. Trói buộc nhau càng chặt, đều do không biết rõ các trần như sắc, v.v... từ tâm vọng hiện, nên năm thức thân chuyển.

Này Đại Tuệ! Năm thức như nhãn... khởi chung năm trần, hoặc do hiểu rõ riêng sắc... các cảnh tướng khác nhau mà ý thức sinh, cho nên

phải biết căn thân, trần cảnh tất cả các pháp đều do tự tâm vọng thức của chúng sinh làm nhân quả lẫn nhau mà hiện ra. Cho nên kệ nói: Các pháp đối tàng thức, thức đối pháp cũng thế, làm nhân tướng lẫn nhau, cũng làm quả tướng nhau.

**37. Thức thứ tám lia Như lai tạng thì không có tự thể riêng:**

“Nhưng các thức kia chẳng nghĩ rằng, cho đến Tướng không khác nhau, đều có tự cảnh”. Các thức kia đều hiểu rõ tự cảnh, đây là nói rõ thức thứ tám đều có khả năng hiểu rõ cảnh tự phần, không biết chỉ do tự tâm vọng hiện, nghĩa là sắc là cảnh của nhãn thức, cho đến A-lại-da kiến phần là cảnh của thức thứ bảy. Hạt giống căn thân khí giới là cảnh của tàng thức. Nhưng nếu thức thứ tám này lia Như lai Tạng thì không có tự thể riêng, vì chúng sinh không biết chấp là thức thứ tám. Các Đức Phật đã chứng đắc, nêu thành dụng bốn trí. Nếu mê muội thì thức thứ tám khởi chấp danh hiệu của tàng. Thức thứ bảy được gọi là nhiễm ô. Thức thứ sáu khởi tâm chấp khắp. Năm thức theo tướng căn trần. Nếu hiểu biết thức lại-da thành thể viên cảnh, giữ cửa công đức. Mạt-na là nguồn bình đẳng, một tánh tự tha, ý thức thứ sáu khởi nhiệm mầu quán sát, xoay bánh xe chánh pháp. Năm thức trước khởi công tạo tác, để lại dấu vết ứng hóa, đây là nhất tâm bất động, thức trí tự phân, không chuyển thể kia chỉ chuyển tên kia, không phân biệt lý mà phân biệt sự kia.

**38. Các thức xoay vần làm nhân cho nhau:**

“Này Đại Tuệ! Người tu hành nhập tam-muội, cho đến gọi là thức diệt”. Đoạn trên nói các thức xoay vần làm nhân cho nhau, đều biết rõ tự cảnh, vọng tưởng nối nhau. Muốn chuyển các thức thành trí dụng, nhưng vì tạng thức căn bản nhỏ nhiệm khó biết, cho nên nêu hai thừa tu tam-muội yếu kém, không biết hạt giống thói quen của các thức nương tạng thức bất diệt, tự cho rằng ta diệt các thức nhập vào tam-muội, mà thật ra thì chưa được. Chỉ hàng phục thức thứ sáu, không chấp trần cảnh kia sẽ bị diệt.

**39. Chỉ có Phật biết, người khác không biết:**

“Này Đại Tuệ! Hành tướng của tàng thức nhỏ nhiệm như thế, cho đến năng lực của định trí tuệ đều không thể biết”: Ở đây là nói người có khả năng biết, nghĩa là các thức nương vào hành tướng nhỏ nhiệm của tàng thức, chỉ có Đức Phật mới hiểu rốt ráo bờ mé và Bồ-tát trụ địa mới biết được, còn ngoài ra các Thanh văn, Độc giác và ngoại đạo tu hành dù được trí tuệ tam-muội nhưng đều không thể biết được.

“Chỉ có các hành giả tu hành như thật, cho đến tự tâm thấy được rất dễ hiểu”. Nói biết được, khó biết, cho nên, dùng năng lực trí tuệ

hiểu rõ tướng các địa, khéo thông đạt câu nghĩa, là nhân hữu liễu. Đức Phật rộng huân tập gốc lành vô biên, là nhân hữu duyên. Vốn có chánh nhân do đó hiện tiền, tự nhiên thấy rõ vọng tưởng trôi chảy, cho nên nói năng tri.

**40. Có chánh nhân nhưng phải nhờ phương tiện nơi hiển lộ:**

“Này Đại Tuệ! Những người tu hành ngồi yên nơi núi rừng, cho đến Đại thiện tri thức như thật tu hành”: Nói các bậc tu hành Thượng trung hạ tùy phần lượng của mỗi vị. Phân biệt lưu chú tức là hai thứ sinh trụ diệt ở trên. Các nghĩa khác lời văn có nói, đều nên gần gũi thiện tri thức, như ngài Mã Minh nói: Pháp của các Đức Phật có nhân có duyên, nhân duyên đầy đủ mới được thành tựu. Như tánh lửa trong gỗ, lửa ấy là chánh nhân, nếu không nhờ phương tiện mà tự cháy gỗ thì không có việc đó. Chúng sinh cũng vậy, tuy có năng lực của chánh nhân huân tập, nhưng không gặp các Đức Phật, Bồ-tát, tri thức chỉ dạy lợi ích, từ bi nhiếp hộ làm duyên, mà tự dứt bỏ được phiền não, nhập Niết-bàn thì không có việc đó.

**41. Có bốn thứ kệ tụng khác nhau:**

“Khi ấy, Đức Thế Tôn muốn lặp lại nghĩa này, nói kệ rằng”: Nói chung kệ tụng có bốn thứ khác nhau, âm Phạm cũng khác, vẫn có tám ý, không dẫn lại đầy đủ nữa, nay ở đây chỉ nói đại lược: 1. Chỉ đủ ba mươi hai chữ thì thành một bài tụng. 2. Phúng tụng; hoặc gọi là trực tụng, nghĩa là dùng kệ nói pháp, không tụng văn xuôi. 3. Ứng tụng: Tụng lại văn vần xuôi, hoặc vì người độn căn mà nói lại, hoặc vì kẻ học đời sau, hoặc vì muốn cho rõ ràng lời nói ở trước. 4. Tập thi tụng: Nghĩa là dùng ít lời mà thâm tóm nhiều nghĩa, giúp người khác tụng trì. Nay trong kinh này, trong bốn thứ trước, phần thứ hai thứ ba gồm thâm toàn bộ. Nhưng văn vần xuôi và kệ tụng dựa vào nhau, nêu ra có năm cặp: Hữu vô, quảng lược, ly hợp, tiên hậu, ẩn hiển, trong văn sẽ nói rõ.

**42. Nói về biến tàng thức:**

“Ví như sóng biển cả, là do gió mạnh thổi, cho đến đối hiện cảnh nói năm”: Bài tụng này nói biến hiện thức trước tánh tự thường trụ, bị gió của cảnh giới sáu trần kia thổi làm lay động. Thể của bảy thức hiện thức lấy làm nhân bên ngoài, cảnh giới sáu trần lấy làm ngoại duyên, làm hưng khởi sáu tướng thô nặng, cho nên nói thí như sóng biển cả, đây do gió mạnh thổi, sóng lớn xao động cả biển lớn, không lúc nào dừng, biển tạng thức thường trụ, gió cảnh giới thổi động các sóng thức vọt lên cao mà chuyển sinh. Thế nào gọi là gió cảnh giới? Gió kia tướng



trạng như thế nào? Đó là xanh, đỏ, v.v... các thứ hiển sắc, có công năng sanh khởi nhãn thức. Các thứ ngọc quý như kha bối v.v... phát ra các âm thanh hay ho, có công năng sanh khởi nhĩ thức. Các thứ mùi thơm lan tỏa khắp nơi có công năng sanh khởi tỷ thức. Các thứ gỗ thơm, lụa là, thạch mật xúc chạm bao nhiêu tốt đẹp đầy đủ an vui, có công năng sanh khởi thân thức. Các hương vị mặn lạt tùy theo sở thích mà phát ra bao nhiêu mùi vị, có công năng sanh khởi hoa thiệt thức hiện tại. Quả vị lai, các thứ pháp trần, tùy theo cảnh giới mà thức kia duyên, có công năng sanh khởi ý thức. Nay trong văn này nêu trần chấp thức phải quán xét kỹ. Thức Mạt-na kia tức là phần vị nhỏ nhiệm của ý thức, không có tự thể riêng. Như vậy sáu trần năng động tâm thể giúp cho tán loạn. Thí như gió mạnh, nên gọi là phong, vì thế nói các màu sắc xanh, đỏ, v.v... Các thứ ngọc quý, sữa đường, muối các mùi vị hoa quả. Bảy thức như vậy cùng với tàng thức là đồng hay khác ư! Chẳng phải đồng chẳng phải khác, là hai bên, thí như mặt trời và ánh sáng, nước và sóng, chẳng phải đồng chẳng phải khác. Bảy thức tàng thức nghĩa chẳng phải đồng chẳng phải khác, cũng giống như vậy, cho nên nói mặt trăng mặt trời và ánh sáng, chẳng phải khác, chẳng phải không khác. Bảy thức như ý, v.v... nên biết cũng giống như vậy. Như biển và sóng, tâm cùng hòa hợp sinh. Như vậy bảy thức từ chỗ nào đến nhập vào tạng thức làm số thứ bảy, trôi lăn khởi động không lúc nào dừng. Như vậy, bảy chuyển thức không từ trong đến, không từ ngoài đến, không từ ở giữa đến, chỉ do tàng thức thể biến thành bảy thức, thí như nước biển chuyển động thành sóng, cho nên nói thí như nước biển động, các sóng nổi dậy, tạng thức cũng giống như vậy. Các thức thức sinh, tâm, ý và ý thức, vì các tướng nên nói. Hiện thức như vậy và bảy chuyển thức, tám thức tâm thức, chỉ có tướng sinh diệt vô thường hay sao! Cũng có tướng thật tướng thường trụ ư! Tám thức như vậy từ vô thủy đến nay ba đời bất động, bốn tướng không dời đổi, chân thật thường trú, tự tánh thanh tịnh, công đức đầy đủ, không có hai tướng, cho nên nói tám thức có tướng riêng, không có năng tướng, sở tướng. Thí như sóng biển, cho nên không khác nhau. Các thức tâm như vậy, khác cũng không thể được.

Các thức vốn vắng lặng, vọng trần không tự thể, do bất giác cho nên năm thức trước chuyển khởi, hiện ra trần cảnh. Thức thứ sáu phân biệt khởi hoặc tạo nghiệp thức truyền tống thứ bảy chấp ngã, ngã sở, có công năng chứa nhóm, đồng năng huân tàng thức thứ tám, thọ trì huân tập hạt giống, chứa nhóm không mất, xoay vần làm nhân, trôi lăn không ngừng, cho nên nói tâm có công năng chứa nhóm các nghiệp, ý có công

năng rộng chứa nhóm rõ biết, cho nên gọi là Thức, đối hiện cảnh nói có năm, vậy nên biết cảnh lia tâm, văn lý đều không, tức thức trần giải thích so lường có y theo cuồng tâm không dứt, dứt tức Bồ-đề, các cấu thanh tịnh thì tâm sáng, xưa nay là Phật.

**43. Nhắc lại lời hỏi đáp bằng mười tám bài kệ:**

“Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Đại Tuệ dùng kệ hỏi Phật”: Dưới đây là ba phen nhắc lại lời hỏi đáp theo trước mà phát khởi. Gồm mười tám bài kệ, đều có kinh gia sinh khởi. Đây trước xét hỏi về sinh khởi. Đoạn dưới y theo đây.

“Xanh, đỏ, các sắc tướng, chúng sinh hiện các thức, các thứ pháp như sóng, thế nào xin Phật nói”. Đoạn trên nói các trần xanh, đỏ phát sinh, các thức như sóng biển đều chẳng phải một khác. Lại nói tâm chứa nhóm v.v... hành tướng có khác nhau, cho nên có câu hỏi này.

“Lúc ấy, Đức Thế tôn đáp bằng bài kệ: Các sắc tướng xanh, đỏ, sóng mòi đều không có, nói tâm khởi các tướng, khai ngộ các phàm phu”. Ba câu đầu nói sắc tức là không, cho nên không thật có. Câu tiếp nói không tức là sắc, cho nên khởi các tướng. Một câu cuối giải thích câu thứ ba.

“Tướng kia vốn không khởi, tự tâm chấp đắm, lia năng thủ và sở thủ, đồng với sóng mòi kia”. Bài kệ này hợp pháp nói về các sắc tướng xanh, đỏ, và câu thứ hai nói sóng mòi không thật có.

“Thân tứ tài an trụ, do thức chúng sinh hiện, cho nên thấy đây khởi không khác gì với sóng” sắc thân chánh báo. Tư sinh tài vật và nơi chốn an trụ. Bài kệ này nói lại về pháp hiện nói tâm khởi các tướng, tạo nghiệp chiêu cảm quả báo, y báo chánh báo khác nhau, đều do tự tâm chúng sinh vọng hiện.

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại nói kệ hỏi: Tánh biển cả sóng mòi, nổi dậy phân biệt được, tạng thức cũng khởi như thế, vì sao chẳng giác biết”. Đây là y theo pháp dụ mà vặn hỏi.

“Lúc ấy, Đức Thế Tôn dùng kệ đáp: Tàng thức như biển cả, chuyển thức vì sóng mòi. Phàm phu không trí tuệ, thí dụ rộng khai diễn”. Người vào thí dụ biển cả kia nói rộng, giúp kẻ ngu thông hiểu.

“Bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ lại nói kệ rằng: Thí như mặt trời lên, trên dưới đều được chiếu đèn, thế gian đấng cũng thế, vì ngu nói chân thật”. Đại Tuệ do ở trên nói tâm khởi các tướng, khai ngộ các phàm phu. Tức là Như lai phương tiện không nói thật pháp cho nên hỏi: Như khi mặt trời mọc, bình đấng soi chiếu muôn vật. Như lai đã xuất thế, vì chúng sinh ngu muội mà nói, bình đấng nói chân thật.

“Đã mở bày các pháp, sao chẳng nói chân thật?” Như lai đã vì chúng sinh mà mở bày các pháp, vì sao không vì những kẻ ngu muội mà nói pháp chân thật!

#### **44. Phật đáp bằng bài kệ:**

“Bấy giờ, Đức Thế Tôn đáp rằng bài kệ: Nếu nói chân thật ấy, tâm kia không chân thật, cho đến tâm cảnh giới cũng thế”. Bài kệ này hai câu đầu nói về pháp, nghĩa là không có căn khí thì không thể nghe hiểu thật ra chẳng phải không bình đẳng, kể ba câu nêu ba ví dụ, so sánh với tâm kia không thật. Một câu thứ ba lấy pháp hợp ví dụ, cho nên nói cũng vậy.

“Vì cảnh giới chẳng có, thứ lớp mà chuyển sinh, cho đến không thứ lớp chắc chắn”. Kể một bài kệ rưỡi nói về duyên cảnh bên ngoài nếu không đầy đủ nội thức tức thứ lớp chuyển sinh. Cho nên Thành Duy Thức chép: Nương vào thức căn bản, các thức tùy duyên hiện, hoặc câu hoặc bất câu, như sóng mồi nương nước. Nghĩa là duyên hoặc đồng thời đầy đủ thì đều hiện, như gương hiện hình bóng không có trước sau. Bài kệ này nói về duyên khác nhau, tức thứ lớp chuyển sinh. Do ý thức thứ sáu phân biệt các pháp trần, cho nên nói thức có khả năng hiểu biết. Ý duyên A-lại-da khởi chấp ngã, ngã sở, cho nên nói ý lại ý như thế. Năm thức tùy theo thứ lớp mà hiện trần cảnh, đâu có định thứ lớp.

“Thí như người thợ vẽ, và học trò thợ vẽ, cho đến hòa lẫn thành các hình”. Bài kệ thứ hai nói vẽ sắc vốn không hình, tùy hình tức vẽ tượng, để so sánh đức Như lai vốn không pháp, tùy căn cơ liền nói pháp, đâu được chỉ nói một thứ pháp.

“Nói năng thì biến đổi, chân thật lia văn tự, cho đến đó là chẳng phải nói”. Ba bài kệ rưỡi này nói về. Như lai ứng theo căn cơ nói có khác nhau. Hai câu trên nêu chung về thuyết ý, năm câu kế là cho rằng đối với hạng lợi căn nói pháp Nhất thừa chân thật. Năm câu kế là đối với các hạng độn căn còn lại nói các pháp như huyền. Mỗi pháp đều lời văn. Hai câu cuối cho rằng pháp được nói không ứng hợp căn cơ gọi là nói dối, cho nên gọi là phi thuyết.

“Thí như những người bệnh, thầy thuốc tùy bệnh cho thuốc, Như lai vì chúng sinh, tùy tâm ứng lượng nói”. Một bài tụng này lại nói thầy thuốc tùy bệnh mà cho thuốc khác nhau. Để so sánh Như lai ứng lượng nói pháp có khác, cho nên không được như mặt trời soi chiếu muôn vật, để tổng kết câu hỏi trước.

“Y hồ giả của đời, chỗ chứng trí thực hành, ngoại đạo chẳng cảnh giới, Thanh văn cũng như vậy”. Y Hổ giả là Như lai.